

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ CHUYÊN MÔN

Hợp Đồng số 19-01-00317
Soát xét Báo cáo Tài chính ngày 30 tháng 6 năm 2019
Kiểm toán Báo Cáo Tài Chính năm 2019 của
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần

Căn cứ theo Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 được Quốc hội khóa 11 ban hành và các luật và qui định có liên quan;

Căn cứ theo Luật Kiểm toán Độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29 tháng 3 năm 2011 được Quốc hội khóa 12 ban hành;

Thực hiện theo Chuẩn Mực Kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp Đồng Kiểm Toán;

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 số 2140/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ công văn số 6239/EVN-TCKT ngày 29/11/2018 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.

Hợp Đồng này ("Hợp Đồng") được lập và ký kết vào ngày 15 / 7 /2019 giữa Công ty TNHH KPMG và Tổng Công ty Phát điện 3 với nội dung cụ thể như sau:

Khách hàng – Bên A:

Tên Công ty:	Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Địa chỉ:	Số 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số điện thoại:	+84 283 6367 449
Số fax:	+84 283 6367 450
Tài khoản số:	76210000136112
Tại ngân hàng:	TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Phú Mỹ Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Mã số thuế giá trị gia tăng:	3502208399
Đại diện bởi:	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương
Chức vụ:	Phó Tổng Giám đốc

Theo Quyết định số 859/QĐ-GENCO3 ngày 03/12/2018 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp nhiệm vụ trong Ban Tổng Giám đốc và ủy quyền giải quyết công việc trong Cơ quan Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần.

KPMG – Bên B:

Tên đơn vị cung cấp dịch vụ:	Công ty TNHH KPMG ("KPMG")
Địa chỉ:	Tầng 46 Tòa tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, Tòa nhà 72 tầng, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại	+84 4 3946 1600
Fax	+84 4 3946 1601
Tài khoản số:	(VND):020-1-00-00-00113
Tại ngân hàng:	Ngân hàng TNHH Một thành viên Public Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội
Mã số thuế giá trị gia tăng:	0100112042
Đại diện bởi:	Ông Nguyễn Thanh Nghị
Chức vụ:	Phó Tổng Giám đốc

(Thư ủy quyền do Ông Warrick A. Cleine ký ngày 01 tháng 01 năm 2019).

Qua trao đổi, bản bạc các vấn đề liên quan, các bên nêu trên ("các Bên") đồng ý ký kết hợp đồng với các điều khoản sau đây:

Điều 1: Dịch Vụ

- 1.1. **Ký kết hợp đồng:** Bên A có yêu cầu ký kết hợp đồng với KPMG (Bên B), theo các điều khoản và các điều kiện của Hợp Đồng này, để thực hiện việc kiểm toán báo cáo Tài chính của bên A ("Báo cáo tài chính") nhằm mục đích đưa ra ý kiến các dịch vụ ("Dịch vụ") như sau:
- việc soát xét Báo cáo Tài chính Hợp nhất và Báo cáo Tài chính Riêng tại thời điểm và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 nhằm mục đích đưa ra kết luận soát xét về các báo cáo này; và
 - việc kiểm toán Báo cáo Tài chính Hợp nhất và Báo cáo Tài chính Riêng nhất tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 nhằm mục đích đưa ra ý kiến về các báo cáo này;
 - việc kiểm toán các Báo cáo Tài chính Hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 lập theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế ("IFRS").
- 1.2. Nội dung và phạm vi công việc thực hiện của hợp đồng được quy định tại Phụ lục 1 của hợp đồng.

Điều 2: Nghĩa vụ của Bên B

- 2.1 **Thực hiện Hợp Đồng:** Khi thực hiện Dịch Vụ, tùy theo mức độ tuân thủ các nghĩa vụ từ phía Bên A, Bên B sẽ:
- thực hiện soát xét Báo cáo Tài chính Hợp nhất và Báo cáo Tài chính Riêng tại thời điểm và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện;
 - thực hiện kiểm toán các Báo cáo Tài chính Hợp nhất và Báo cáo Tài chính Riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính ("VAS");
 - thực hiện kiểm toán các Báo cáo Tài chính Hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 lập theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế ("IFRS");
 - tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp;
 - cung cấp cho Bên A các báo cáo với số lượng như sau cho mỗi loại:

Loại báo cáo	Ngôn ngữ	
	Tiếng Việt	Tiếng Anh
Báo cáo soát xét về các Báo cáo Tài chính Riêng của Genco 3 theo VAS	6	
Báo cáo soát xét về các Báo cáo Tài chính Hợp nhất của Genco 3 theo VAS	6	
Báo cáo kiểm toán về các Báo cáo tài chính riêng của GENCO 3 theo VAS	6	
Báo cáo kiểm toán về các Báo cáo tài chính hợp nhất của GENCO 3 theo VAS	6	
Báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi theo chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế	6	6

- tuân thủ và tôn trọng các điều khoản khác trong Hợp đồng này.

- 2.2 **Yêu cầu thông tin:** Bên B sẽ đề nghị Bên A cung cấp các thông tin và sự hỗ trợ cần thiết từ phía Bên A hay người đại diện của Bên A để thực hiện Dịch Vụ. Bên A đồng ý thực hiện các đề nghị này và cũng đồng ý rằng việc không cung cấp đầy đủ thông tin hoặc những hỗ trợ theo đề nghị của Bên B một cách kịp thời có thể dẫn tới trì hoãn lịch trình kiểm toán và trong trường hợp đó Bên A đồng ý rằng Bên B sẽ không chịu trách nhiệm về sự trì hoãn. Bên B đồng ý rằng Bên B sẽ chỉ đề nghị cung cấp các thông tin và các hỗ trợ cần thiết một cách hợp lý phù hợp với các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam để phục vụ cho việc cung cấp Dịch Vụ.

Điều 3: Nghĩa vụ của Bên A

- 3.1 **Trách nhiệm của Bên A:** Theo Hợp Đồng này, và nhằm giúp Bên B thực hiện Dịch Vụ, Bên A sẽ:
- a. trước khi bắt đầu Dịch Vụ, đảm bảo rằng Bên A đã tuân thủ các quy định pháp luật của Việt Nam về việc ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo trong việc chuẩn bị tất cả các thông tin sẽ được Bên B kiểm toán;
 - b. khóa sổ các tài liệu kế toán ("Tài Liệu Kế Toán") liên quan đến các Báo Cáo Tài Chính đúng thời hạn và trước khi bắt đầu đợt soát xét hoặc kiểm toán cuối năm hoặc thời gian khác do các Bên thỏa thuận, bao gồm ghi nhận toàn bộ các khoản dự phòng, trích trước và đánh giá theo yêu cầu của các nguyên tắc kế toán nêu trên. Trong trường hợp các Tài Liệu Kế Toán này khóa sổ không đúng hạn, hoặc lập không phù hợp với các nguyên tắc kế toán nêu trên, kết quả là làm phát sinh thêm thời gian để Bên B hoàn thành công việc soát xét/kiểm toán, điều này có thể dẫn tới sự trì hoãn phát hành báo cáo soát xét/kiểm toán, Bên B sẽ có quyền kéo dài thời hạn phát hành báo cáo soát xét/kiểm toán tương ứng với thời gian chậm trễ nêu trên do lỗi của Bên A ;
 - c. cung cấp kịp thời cho Bên B các dữ liệu, thông tin, bảng biểu và giải trình cần thiết hợp lý cho việc thực hiện dịch vụ (phỏng vấn hoặc bằng văn bản) khi được yêu cầu;
 - d. hỗ trợ và hợp tác thỏa đáng với đại diện của Bên B trong suốt quá trình soát xét/kiểm toán;
 - e. lập và cung cấp các Báo cáo Tài chính Hợp nhất và các Báo cáo Tài chính Riêng tại thời điểm và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan
 - f. lập và cung cấp các Báo cáo Tài chính Hợp nhất và các Báo cáo Tài chính Riêng tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan;
 - g. lập và cung cấp các Báo cáo Tài chính Hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 phù hợp với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế;
 - h. điều chỉnh các Báo cáo Tài chính Hợp nhất và các Báo cáo Tài chính Riêng để sửa chữa các sai sót trọng yếu; và
 - i. tuân thủ và tôn trọng các điều khoản khác trong Hợp Đồng này.

Điều 4: Thực hiện Dịch Vụ

4.1 Xác nhận: Bên A xác nhận:

- a. trong quá trình thực hiện soát xét, Bên B sẽ tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp. Công việc soát xét của Bên B bao gồm việc phỏng vấn, chủ yếu với những nhân viên chịu trách nhiệm về công tác tài chính kế toán, và thực hiện các thủ tục phân tích và soát xét khác. Công việc soát xét của Bên B không bao gồm việc kiểm tra kiểm soát nội bộ, kiểm tra sổ sách kế toán và các phản hồi đối với các câu hỏi phỏng vấn của Bên B bằng cách thu thập các bằng chứng thông qua việc kiểm tra, quan sát hoặc xác nhận và các thủ tục khác thường được thực hiện trong một cuộc kiểm toán. Phạm vi công việc soát xét của Bên B đối với Báo cáo Tài chính Riêng và Báo cáo Tài chính Hợp nhất tại thời điểm và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 nhỏ hơn về cơ bản so với phạm vi của một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam mà mục tiêu là đưa ra ý kiến về Báo cáo Tài chính. Do đó, Bên B sẽ không đưa ra ý kiến kiểm toán như vậy đối với Báo cáo Tài chính này. Báo cáo soát xét của Bên B sẽ bao gồm một tuyên bố về nội dung này;

- b. công việc soát xét không cung cấp sự đảm bảo rằng Bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ những vấn đề trọng yếu có thể được xác định thông qua một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của Bên B không thể được xem là căn cứ để phát hiện các sai sót, gian lận, hay các hành vi bất hợp pháp có thể tồn tại. Bên B sẽ thông báo cho Bên A về bất kỳ sai sót trọng yếu nào hoặc bất kỳ trường hợp gian lận hoặc hành vi bất hợp pháp nào trong phạm vi những vấn đề mà Bên B biết được trong quá trình thực hiện soát xét, trừ khi các sai sót, gian lận hay hành vi phạm pháp đó rõ ràng là không đáng kể. Ngoài ra, Bên B cũng sẽ thông báo trực tiếp cho Bên A hoặc những người chịu trách nhiệm quản trị của Bên A về các trường hợp gian lận mà Bên B phát hiện được có liên quan đến lãnh đạo cấp cao hoặc những trường hợp gian lận, mà theo xét đoán của Bên B, sẽ khiến cho Báo cáo Tài chính Riêng và Báo cáo Tài chính Hợp nhất tại thời điểm và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 bị sai sót trọng yếu và các hành vi bất hợp pháp mà Bên B phát hiện được, trừ khi các trường hợp gian lận hay hành vi bất hợp pháp đó rõ ràng là không đáng kể;
- c. mục đích của việc kiểm toán là cung cấp báo cáo của kiểm toán viên cho chủ sở hữu, Ban lãnh đạo và các cổ đông của Bên A có trình bày ý kiến kiểm toán về các Báo cáo Tài chính Hợp nhất và các Báo cáo Tài chính Riêng tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019;
- d. Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp làm cơ sở để đưa ra ý kiến của Bên B về các Báo cáo Tài chính Hợp nhất và các Báo cáo Tài chính Riêng tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Các thủ tục này bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về giá trị các khoản mục và thuyết minh trong các Báo cáo Tài chính Hợp nhất và các Báo cáo Tài chính Riêng;
- e. trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán, Bên B sẽ xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A liên quan đến việc lập và trình bày các Báo cáo Tài chính Hợp nhất và Báo cáo Tài chính Riêng trung thực và hợp lý để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của các kiểm soát nội bộ của Bên A;
- f. để đưa ra ý kiến về các Báo cáo Tài chính Hợp nhất và các Báo cáo Tài chính Riêng, Bên B sẽ thực hiện các thử nghiệm cần thiết để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng thông tin từ các Tài Liệu Kế Toán và các dữ liệu khác có tin cậy và đầy đủ cho việc lập các Báo cáo Tài chính Hợp nhất và các Báo cáo Tài chính Riêng hay không. Bên B cũng sẽ đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán quan trọng do ban lãnh đạo thực hiện cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của các Báo cáo Tài chính Hợp nhất và các Báo cáo Tài chính Riêng theo quy định của pháp luật và đánh giá, đề xuất về tính khoa học, hiệu quả;
- g. công việc kiểm toán của Bên B được lập kế hoạch và thực hiện để có được sự đảm bảo hợp lý, chứ không phải tuyệt đối, rằng các Báo cáo Tài chính Hợp nhất và các Báo cáo Tài chính Riêng tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 không có các sai sót trọng yếu, cho dù do gian lận hay sai sót. Sự đảm bảo tuyệt đối là không thể thực hiện được do bản chất thử nghiệm và những hạn chế cố hữu khác của một cuộc kiểm toán, cùng với những hạn chế cố hữu của bất kỳ hệ thống kế toán và kiểm soát nội bộ nào cũng như các đặc điểm của các rủi ro có thể xảy ra ngoài khả năng kiểm soát của các Bên ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;
- h. Bên B sẽ gửi báo cáo bằng văn bản cho Bên A và các bộ phận/cá nhân chịu trách nhiệm quản trị về các điểm yếu kém trọng yếu trong hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A liên quan đến việc lập và trình bày các Báo cáo Tài chính Hợp nhất và các Báo cáo Tài chính Riêng trong phạm vi mà Bên B biết được khi thực hiện dịch vụ;
- i. trong phạm vi mà Bên B biết được, Bên B sẽ thông báo cho các bộ phận/cá nhân chịu trách nhiệm quản trị của Bên A về bất kỳ sai sót trọng yếu nào và bất kỳ trường hợp gian lận hay hành vi phạm pháp nào của Bên A;
- j. Ban lãnh đạo của Bên A, trong những trường hợp phù hợp, các bộ phận/cá nhân chịu trách nhiệm quản trị chịu trách nhiệm:

- lập và trình bày trung thực và hợp lý các Báo cáo Tài chính Hợp nhất và Báo cáo Tài chính Riêng tại thời điểm và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và toàn bộ các giải trình chứa đựng trong đó phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- lập và trình bày trung thực và hợp lý các Báo cáo Tài chính Hợp nhất và các Báo cáo Tài chính Riêng tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và toàn bộ các giải trình chứa đựng trong đó phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính;
- lập và trình bày trung thực và hợp lý các Báo cáo Tài chính Hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và toàn bộ các giải trình chứa đựng trong đó phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế;
- về các kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo xác định là cần thiết để cho phép lập và trình bày các Báo cáo Tài chính Hợp nhất và các Báo cáo Tài chính Riêng không có các sai sót trọng yếu dù là do gian lận hay nhầm lẫn;
- cung cấp cho Bên B:
 - quyền truy cập vào các thông tin cần thiết và hợp lý mà Ban lãnh đạo có liên quan đến việc lập và trình bày các Báo cáo Tài chính Hợp nhất và các Báo cáo Tài chính Riêng như sổ sách, tài liệu và các thông tin khác khi KPMG có yêu cầu bằng văn bản và đảm bảo bí mật sản xuất – kinh doanh của Bên A;
 - các thông tin bổ sung mà Bên B có thể bằng văn bản yêu cầu Ban lãnh đạo cung cấp cho mục đích của cuộc kiểm toán và soát xét; và
 - quyền liên hệ bằng văn bản với những người có thẩm quyền liên quan đến việc lập và trình bày các Báo cáo Tài chính Hợp nhất và các Báo cáo Tài chính Riêng trong đơn vị mà Bên B cho là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán và soát xét.

Ban lãnh đạo đồng thời cũng chịu trách nhiệm: (1) xác định và đảm bảo rằng Bên A tuân thủ luật và các quy định áp dụng cho các hoạt động của Bên A và thông báo cho Bên B về bất kỳ vi phạm trọng yếu nào đối với các luật và quy định mà đã được phát hiện; (2) bảo vệ giữ gìn tài sản; (3) lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và (4) thực hiện các ước tính kế toán một cách hợp lý trong từng trường hợp. Ban lãnh đạo Bên A cũng chịu trách nhiệm thông báo cho Bên B về kết quả đánh giá của mình về mức rủi ro là các Báo cáo Tài chính và các Báo cáo Tài chính Riêng có thể có sai sót một cách trọng yếu do gian lận. Việc kiểm và soát xét toán báo cáo không giải trừ Ban lãnh đạo khỏi các trách nhiệm đối với báo cáo này; và

Một số trường hợp có thể phát sinh khiến Bên B cần phải sửa đổi báo cáo kiểm toán và soát xét hoặc chấm dứt hợp đồng kiểm toán theo quy định tại Điều 21.5. Nếu, trong quá trình thực hiện các thủ tục kiểm toán, phát sinh các trường hợp mà Bên B cần phải chấm dứt hợp đồng kiểm toán theo quy định tại Điều 10, Bên B sẽ thông báo và giải trình cụ thể bằng văn bản trước tối thiểu 30 ngày trước khi chấm dứt Hợp đồng với Ban lãnh đạo và các bộ phận/cá nhân chịu trách nhiệm quản trị của Bên A.

4.2 Giải trình của Bên A:

Theo yêu cầu của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế, Bên B sẽ đề nghị cụ thể với Ban Giám đốc và các bộ phận khác của Bên A về những giải trình thể hiện trên các Báo cáo Tài chính Hợp nhất và các Báo cáo Tài chính Riêng và tính hiệu quả của các kiểm soát nội bộ. Các quy chế này còn đòi hỏi một số thành viên Ban Tổng Giám đốc cung cấp cho Bên B một thư giải trình về các Báo cáo Tài chính Hợp nhất và các Báo cáo Tài chính Riêng và xác nhận rằng ảnh hưởng của các sai sót không điều chỉnh, xét trên phương diện riêng lẻ hay tổng thể, không có ảnh hưởng trọng yếu đối với toàn bộ các Báo cáo Tài chính Hợp nhất và các Báo cáo Tài chính Riêng. Kết quả từ các thử nghiệm kiểm toán của Bên B, các thông tin phản hồi mà Bên B thu thập được và các giải trình bằng văn bản của Bên A cấu thành tài liệu mà Bên B làm cơ sở để đưa ra ý kiến về các Báo cáo Tài chính Hợp nhất và các Báo cáo Tài chính Riêng tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Bên A và các công ty con, công ty liên kết của Bên A chịu trách nhiệm với các giải trình của mình.

Điều 5: Bảo mật

Bên B có quyền đề nghị bên A cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh hay các hoạt động của Bên A liên quan đến việc lập và trình bày các Báo cáo Tài chính Hợp nhất và các Báo cáo Tài chính Riêng trong quá trình cung cấp dịch vụ của Bên B. Việc yêu cầu cung cấp thông tin phải bằng văn bản. Bên B không được phép cung cấp thông tin của bên A cho bất kỳ bên thứ ba nào nếu không được sự đồng ý trước bằng văn bản của bên A. Bên B được quyền thực hiện theo bất kỳ yêu cầu nào của pháp luật, của cơ quan quản lý của mình hoặc bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào khác mà Bên B phải tuân thủ, yêu cầu cung cấp Thông tin Bảo mật. Điều khoản này sẽ không áp dụng đối với các Thông tin Bảo mật mà đã được công khai một cách hợp lệ. Điều khoản này không cấm Bên B cung cấp Thông tin Bảo mật trong trường hợp Bên B cần cung cấp các thông tin đó cho các bên bảo hiểm bồi thường nghề nghiệp hoặc tư vấn pháp lý hay các tư vấn chuyên môn khác của Bên B và trong các trường hợp đó, Bên B sẽ chỉ cung cấp thông tin theo nguyên tắc bảo mật.

Điều 6: Sở hữu hồ sơ soát xét/kiểm toán

Hồ sơ soát xét/kiểm toán được lập trong quá trình soát xét, kiểm toán của Bên B là tài sản của Bên B. Các hồ sơ soát xét/kiểm toán này thiết lập nên các thông tin mật và thuộc quyền sở hữu của Bên B và sẽ được lưu trữ theo thủ tục và chính sách của Bên B theo từng thời kỳ.

Điều 7: Sử dụng thư điện tử và/hoặc internet

Bên A xác nhận rằng:

- a. Bên A và Bên B có thể liên lạc hoặc trao đổi tài liệu qua thư điện tử và/hoặc qua internet theo địa chỉ liên lạc chính thức do các Bên Thỏa thuận tại Phụ lục Hợp đồng này hoặc được sửa đổi, bổ sung bằng văn bản khác sau này (nếu có) trừ khi Bên A có yêu cầu khác; và
- b. Bên A chấp nhận những rủi ro tiềm tàng bao gồm các rủi ro an ninh mạng do bị ngăn chặn hoặc bị xâm nhập bất hợp pháp vào các thông tin này, các rủi ro do bị sửa đổi làm sai lệch nội dung thông tin liên lạc và các rủi ro do bị vi rút hoặc các thiết bị nguy hiểm khác nếu Bên B đã áp dụng tất cả các biện pháp phòng ngừa và bảo mật cần thiết. Do đó, Bên A phải kiểm tra vi rút tất cả thông tin liên lạc với Bên B.

Điều 8: Phí dịch vụ và các điều khoản thanh toán

8.1 Phí cung cấp Dịch Vụ ("Phí Dịch Vụ Chuyên Môn"): *Phí dịch vụ kiểm toán đã bao gồm thuế GTGT và các loại thuế, phí, lệ phí khác như sau:*

	ĐVT: VND
<ul style="list-style-type: none"> • Soát xét và kiểm toán Báo cáo Tài chính Riêng và Hợp nhất được lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam 	815.689.655
<ul style="list-style-type: none"> • Kiểm toán các Báo cáo Tài chính Hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 lập theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế ("IFRS"). 	161.182.266
Tổng	976.871.921

(Bảng chữ: Chín trăm bảy mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi mốt nghìn, chín trăm hai mươi mốt đồng)

Phí Dịch Vụ Chuyên Môn dựa trên mức độ trách nhiệm, kỹ năng và thời gian cần thiết để hoàn tất các công việc.

8.2 Phí Dịch Vụ Chuyên Môn này đã bao gồm các khoản phụ phí (như chi phí đi lại, lưu trú, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm) và thuế Giá Trị Gia Tăng (hiện là 10%). Phí Dịch vụ Chuyên Môn này bao gồm chi phí cho việc phát hành số lượng báo cáo như được nêu trong phần 2.1.e. Nếu Bên A có nhu cầu đề nghị Bên B phát hành nhiều bộ báo cáo hơn số lượng nêu trên, phí phát hành báo cáo bổ sung sẽ là 220.000 VND cho mỗi một bộ báo cáo phát hành bổ sung. Các khoản phí này sẽ được cộng thêm vào Phí Dịch Vụ Chuyên Môn khi phát hành hóa đơn cuối cùng.

8.3. Bên A sẽ thanh toán cho bên B phí kiểm toán cho từng năm tài chính theo lịch trình như sau:

Giá trị

Thanh toán lần 1:

- Trong vòng 30 ngày sau khi bên A nhận được báo cáo soát xét chính thức của bên B đối với BCTC Riêng và Hợp nhất cho giai đoạn kết thúc ngày 30/6/2019 của Bên A được lập theo CMKTVN, văn bản đề nghị thanh toán và hóa đơn GTGT do Bên B phát hành. 30% giá trị soát xét và kiểm toán BCTC Riêng và Hợp nhất được lập theo CMKTVN

Thanh toán lần 2:

- Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn thành việc rà soát giữa kỳ đối với báo cáo kiểm toán, Bên A nhận được đề nghị thanh toán và hóa đơn GTGT do Bên B phát hành 30% giá trị soát xét và kiểm toán BCTC Riêng và Hợp nhất được lập theo CMKTVN

Thanh toán lần 3:

- Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được Báo cáo kiểm toán chính thức của Bên B đối với BCTC Riêng và Hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31/12/2019 của Bên A được lập theo CMKTVN, Thư quản lý, đề nghị thanh toán và hóa đơn GTGT do Bên B phát hành 40% giá trị soát xét và kiểm toán BCTC Riêng và Hợp nhất được lập theo CMKTVN

Thanh toán lần 4

- Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được Báo cáo kiểm toán chính thức của Bên B đối với BCTC Hợp nhất cho năm kết thúc tại 31/12/2019 của Bên A được lập theo IFRS và hóa đơn GTGT do Bên B phát hành 100% giá trị kiểm toán BCTC Hợp nhất được lập theo IFRS

8.4 Bên B sẽ phát hành hóa đơn cho Bên A theo các thông tin sau:

Tên Công ty: Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Địa chỉ: Số 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số Thuế: 3502208399

8.5 Bên A sẽ thanh toán phí dịch vụ được quy định tại Điều 6.1 vào tài khoản ngân hàng của Bên B theo địa chỉ sau:

Người thụ hưởng: Công ty TNHH KPMG
Số tài khoản đồng Việt Nam: 020-1-00-00-00113
Mở tại: Ngân hàng TNHH Một thành viên Public Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội
Địa chỉ ngân hàng: Tòa nhà Hanoi Tungshing Square, số 2 Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm
Swift Code: VIDPVNV5

Điều 9: Phạt vi phạm

Nếu một trong các bên vi phạm một trong các nghĩa vụ được thỏa thuận trong Hợp đồng thì bên vi phạm sẽ bị phạt 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

Nếu Bên B có lỗi dẫn tới việc chậm hoàn thành báo cáo của kiểm toán viên, Bên B sẽ chịu mức phạt chậm thực hiện hợp đồng là 0,05%/ngày/thời gian quá hạn theo từng báo cáo của kiểm toán viên nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm.

Điều 10: Giới hạn trách nhiệm và bồi thường

- 10.1 **Miễn trách nhiệm:** Bên A đồng ý rằng KPMG sẽ không chịu trách nhiệm hay không có nghĩa vụ đối với Bên A về bất cứ tổn thất, chi phí, thiệt hại trực tiếp nào xảy ra nếu các thông tin tài liệu cho Dịch Vụ được thực hiện trong Hợp Đồng này bị các bên khác cung cấp bị thiếu, từ chối, che đậy hoặc cung cấp thông tin không đúng hay không chính xác, hoặc giải trình sai cho KPMG.
- 10.2 **Sự tin cậy của bên thứ ba:** KPMG không có nghĩa vụ đối với bất cứ bên nào có liên quan đến báo cáo soát xét, kiểm toán hay bất cứ sự tin cậy nào vào các báo cáo này ngoại trừ trong trường hợp được pháp luật quy định.

Điều 11: Hạn chế sử dụng

- 11.1 **Sử dụng tên KPMG:** Bên A không được trích dẫn tên của KPMG, trực tiếp hay ngụ ý, trên bất kỳ tài liệu nào ngoại trừ các Báo cáo Tài chính được đề cập trong Hợp Đồng này và các tài liệu nội bộ của Bên A, mà không trao đổi trước với KPMG. Bản báo cáo soát xét/kiểm toán cuối cùng phải có chữ ký tay nguyên gốc của KPMG và KPMG sẽ không chịu trách nhiệm hay nghĩa vụ đối với bất kỳ lỗi hay sai sót nào trên bất kỳ sự tái bản dưới bất kỳ hình thức hay phương tiện nào.

Nếu báo cáo soát xét/kiểm toán về các Báo cáo Tài chính của KPMG được đưa vào một tài liệu khác ngoài các tài liệu được nêu tại khoản 11.1 do Bên A phát hành mà Bên A không cung cấp các tài liệu đó cho KPMG thì Bên A sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính nhất quán của nội dung các tài liệu đó với Báo cáo Tài chính trong trường hợp có bất cứ khiếu kiện nào từ bên thứ ba về các thông tin không nhất quán.

11.2 Trình bày đúng đắn:

Bên A chịu trách nhiệm để đảm bảo rằng bất cứ sự xuất bản hoặc phân phối nào phải trình bày báo cáo soát xét/kiểm toán một cách đúng đắn tránh sự việc không thích hợp và không được phép.

- 11.3 Bên A đồng ý cụ thể rằng KPMG sẽ không chịu trách nhiệm hoặc nghĩa vụ đối với Bên A hoặc bên thứ ba nào (bao gồm, nhưng không giới hạn trong, các nhà đầu tư, các chủ nợ, hay các cơ quan quản lý của Bên A) trong trường hợp các yêu cầu trong Điều 11 này không được tuân thủ.

Điều 12: Không được tuyển dụng nhân viên của KPMG

Bên A sẽ không, trực tiếp hay gián tiếp, tuyển dụng bất cứ nhân viên nào của KPMG tham gia thực hiện Dịch Vụ trong thời gian họ đang thực hiện Dịch Vụ hay trong thời gian 6 tháng sau khi họ đã hoàn tất Dịch Vụ hoặc sau khi chấm dứt Hợp Đồng này mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KPMG. Điều khoản này sẽ không ảnh hưởng tới việc Bên A thực hiện các chương trình quảng cáo tuyển dụng tại bất cứ thời điểm nào cũng như không ngăn cản Bên A tuyển dụng bất cứ nhân viên nào của KPMG mà đã nộp đơn xin việc trong các chương trình tuyển dụng đó.

Điều 13: Giải quyết các vướng mắc

- 13.1 Nếu tại bất cứ thời điểm nào Bên A muốn thảo luận với KPMG về việc cải thiện việc thực hiện Dịch Vụ hoặc nếu Bên A phàn nàn về Dịch Vụ được cung cấp, thì tùy theo từng trường hợp, Bên A có thể gọi điện thoại trực tiếp tới Phó Tổng Giám đốc phụ trách kiểm toán hay Giám đốc của KPMG như được nêu trong Hợp Đồng. KPMG sẽ xem xét các vấn đề đó ngay và làm mọi việc trong khả năng để giải quyết những vướng mắc đó.
- 13.2 Nếu vấn đề đó không thể giải quyết được thì các bên đồng ý thu xếp một cuộc hòa giải hay sử dụng các giải pháp giải quyết tranh chấp thay thế khác trước khi tiến hành những hành động pháp lý.
- 13.3 Trong trường hợp có các khoản phí không được trả đúng hạn, KPMG có quyền dừng việc cung cấp Dịch Vụ cho đến khi khoản phí được thanh toán. Việc dừng cung cấp Dịch Vụ này sẽ

không ảnh hưởng tới nghĩa vụ của Bên A thanh toán cho KPMG cho phần Dịch Vụ mà KPMG đã thực hiện tính đến ngày dừng cung cấp Dịch Vụ.

Điều 14: Hiểu biết và mâu thuẫn

14.1 Trong điều khoản này, những định nghĩa sau sẽ được áp dụng:

"Nhóm thực hiện Dịch Vụ" có nghĩa là toàn bộ hoặc từng cá nhân riêng lẻ thành viên, giám đốc và nhân viên của KPMG tham gia thực hiện Dịch Vụ, như được nêu rõ trong Phụ lục 3 của Hợp đồng này.

"Ngăn cách" có nghĩa là các biện pháp bảo vệ được thiết lập để hỗ trợ bảo vệ lợi ích của mỗi Bên A và có thể bao gồm (ví dụ): các nhóm thực hiện dịch vụ riêng biệt, sự độc lập về hoạt động và vị trí địa lý và/hoặc những biện pháp kiểm soát truy cập đối với dữ liệu, các máy chủ và các hệ thống thư điện tử.

14.2 Nhóm thực hiện Dịch Vụ sẽ không bị bắt buộc, được trông đợi hoặc được cho là phải biết bất cứ thông tin nào mà những nhân sự khác của KPMG biết mà Nhóm thực hiện Dịch Vụ không được biết.

14.3 Nhóm thực hiện Dịch Vụ sẽ không bắt buộc phải sử dụng hay phải tiết lộ cho Bên A bất cứ thông tin nào mà Nhóm biết hay những nhân sự khác của KPMG biết mà những thông tin này là bảo mật đối với bên thứ ba.

14.4 KPMG có thể đang cung cấp các dịch vụ hoặc có thể được mời cung cấp dịch vụ cho một hay các bên khác mà có lợi ích cạnh tranh hoặc đối lập với lợi ích của Bên A (một "Bên có mâu thuẫn" hay "các Bên có mâu thuẫn").

14.5 KPMG được và sẽ luôn được quyền cung cấp các dịch vụ cho các Bên có mâu thuẫn, ngoại trừ trường hợp khi mà lợi ích của Bên có mâu thuẫn trái ngược một cách rõ ràng và trực tiếp với lợi ích của Bên A liên quan đến vấn đề chủ thể của Dịch Vụ thì:

a. Nhóm thực hiện Dịch Vụ sẽ không cung cấp dịch vụ cho Bên có mâu thuẫn đó; và

b. Những nhân sự khác của KPMG có thể cung cấp dịch vụ cho Bên có mâu thuẫn khi đã thiết lập những Ngăn cách thích hợp. Tính hiệu quả của những Ngăn cách đó sẽ tạo ra những biện pháp thích đáng để tránh mọi rủi ro thực tế về khả năng KPMG sẽ vi phạm nghĩa vụ về bảo mật đối với Bên A.

KPMG luôn tìm cách xác định các Bên có mâu thuẫn trong những trường hợp được nêu trong khoản này. Nếu Bên A biết hoặc nhận biết được rằng KPMG đang tư vấn hoặc đề xuất cung cấp dịch vụ tư vấn cho một Bên có mâu thuẫn, đề nghị thông báo ngay cho KPMG.

Điều 15: Hiệu lực của các điều khoản

Mỗi điều khoản trong Hợp Đồng này cấu thành từng điều khoản riêng biệt và độc lập. Nếu bất kỳ điều khoản nào trong Hợp Đồng này bị xem là không có hiệu lực hoặc không thể thi hành được theo phán quyết của tòa án hay cơ quan có thẩm quyền, thì các điều khoản còn lại của hợp đồng vẫn giữ nguyên giá trị hiệu lực.

Điều 16: Bất khả kháng

Nếu một bên khi thực hiện hợp đồng này bị ngăn cản hay hạn chế bởi lý do hỏa hoạn, bão lũ, động đất, chiến tranh, tranh chấp lao động, lệnh cấm giao thông, chỉ thị hoặc hướng dẫn của bất cứ chính phủ nào có liên quan đến Hợp Đồng này, hay bất cứ sự thay đổi về luật hoặc điều kiện khác vượt quá sự kiểm soát hợp lý của Bên đó, thì Bên đó được miễn trách nhiệm cho việc thực hiện của mình đối với phần việc ảnh hưởng, nhưng Bên đó sẽ sử dụng mọi khả năng tốt nhất của mình để tránh hay làm mất đi các nguyên nhân của việc không thực hiện và để khắc phục, hoàn thành việc thực hiện hợp đồng một cách nhanh nhất.

Điều 17: Luật điều chỉnh và tài phán

Hợp Đồng này và tất cả các vấn đề của việc ký kết hợp đồng, thực hiện Dịch Vụ được lập phù hợp và được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam. Khi tranh chấp xảy ra, một trong các bên có quyền khởi kiện ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

Điều 18: Cung cấp thông tin

Bên A đồng ý cho KPMG cung cấp một số thông tin nhất định liên quan đến Dịch Vụ đề cập trong Hợp Đồng này và mối quan hệ giữa Bên A với KPMG cho mục đích soạn thảo các bản đề xuất dịch vụ và các tài liệu quảng cáo chung, với điều kiện là các thông tin cung cấp được giới hạn trong phạm vi tên công ty của Bên A và các diễn giải vấn đề nội dung Dịch Vụ.

Điều 19: Tính tổng thể và sửa đổi

Hợp Đồng này thiết lập sự thỏa thuận và hiểu biết tổng thể giữa các Bên có liên quan đến vấn đề quy định trong hợp đồng. Mọi thay đổi các điều khoản của Hợp Đồng này phải được lập bằng văn bản và sẽ chỉ có hiệu lực sau khi được đại diện đủ thẩm quyền của các bên ký.

Điều 20: Thông báo

- 20.1. Bất kỳ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng.
- 20.2. Thông báo của một bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.

Điều 21: Hiệu lực, ngôn ngữ và thời hạn hợp đồng

- 21.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 21.2. Hợp đồng này có thời hạn 19 tháng.
- 21.3. Hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng sau khi chấm dứt hợp đồng.
- 21.4. Hợp đồng này chấm dứt khi:
 - a. Các bên hoàn thành các nghĩa vụ trong Hợp đồng;
 - b. Một trong hai bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn theo quy định tại khoản 21.5 Điều này;
 - c. Các bên thống nhất chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật
- 21.5. Nếu một trong các bên không thực hiện hoặc không thực hiện đúng các nghĩa vụ của mình được thỏa thuận trong Hợp đồng, Bên bị vi phạm có quyền thông báo đề nghị bên vi phạm phải khắc phục, sửa chữa và thực hiện đúng quy định của Hợp đồng. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày thông báo mà bên vi phạm không khắc phục, sửa chữa thì bên bị vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng.
- 21.6. Trong trường hợp Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng, Bên A có thể ký hợp đồng với Công ty kiểm toán khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt được hai bên thỏa thuận một cách hợp lý và bình đẳng. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục hoàn thành phần hợp đồng không bị chấm dứt.
- 21.7. Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng này trước thời hạn, bên B sẽ hoàn trả cho bên A số tiền tạm ứng sau khi trừ đi các chi phí để thực hiện hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng chấm dứt.
- 21.8. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, nếu có sự kiện mới nào phát sinh hoặc có những quy định mới của Nhà nước về công tác kế toán và kiểm toán được ban hành liên quan đến nội dung Hợp đồng, thì hai bên sẽ bàn bạc để sửa đổi hợp đồng (nếu cần thiết) cho phù hợp trên tinh thần đảm bảo quyền lợi của hai bên và đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 1: NỘI DUNG VÀ PHẠM VI CÔNG VIỆC

1. Thực hiện soát xét và kiểm toán các BCTC của Tổng Công ty Phát điện 3 bao gồm:

1.1. Theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Việt Nam (“VAS”)

Báo cáo Tài chính Riêng và Báo cáo Tài chính Hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh Nghiệp Việt Nam & các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (“VAS”):

- Công việc kiểm toán: soát xét/kiểm toán các Báo cáo Tài chính Riêng và các Báo cáo Tài chính Hợp nhất.
- Báo cáo được soát xét/kiểm toán theo yêu cầu công việc kiểm toán ở trên bao gồm đầy đủ nội dung theo yêu cầu và các quy định hiện hành của Bộ Tài chính, bao gồm:
 - + Bảng cân đối kế toán;
 - + Báo cáo kết quả kinh doanh;
 - + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
 - + Thuyết minh Báo cáo Tài chính.

Soát xét giữa kỳ: KPMG thực hiện soát xét giữa kỳ cho tại thời điểm và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đối với BCTC Công ty mẹ, hợp nhất của Tổng Công ty phát điện 3 và Báo cáo Tài chính của Công ty CP nhiệt điện Bà Rịa và Công ty CP nhiệt điện Ninh Bình theo các nội dung như trên.

1.2 Theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính quốc tế (IFRS):

1.2.1 Mục tiêu

Mục tiêu của cuộc kiểm toán là giúp các kiểm toán viên đưa ra ý kiến về Báo cáo Tài chính (hợp nhất) của đơn vị được kiểm toán được lập theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) do Ban Chuẩn mực Kiểm toán và Kế toán Quốc tế (IASB) ban hành Theo Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IAS) số 1, một Báo cáo Tài chính đầy đủ bao gồm các thành phần sau:

- (a) Báo cáo tình hình tài chính tại ngày kết thúc kỳ;
- (b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ;
- (c) Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong kỳ;
- (d) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong kỳ;
- (e) Bản thuyết minh báo cáo tài chính, bao gồm một bản tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu và các thuyết minh khác; và
- (f) Báo cáo tình hình tài chính tại ngày đầu kỳ so sánh sớm nhất mà đơn vị được kiểm toán áp dụng hồi tố một chính sách kế toán hoặc điều chỉnh hồi tố các khoản mục trên báo cáo tài chính, hoặc phân loại lại các khoản mục trên báo cáo tài chính.

Sổ sách kế toán của đơn vị được kiểm toán cung cấp cơ sở lập Báo cáo Tài chính và được thiết lập để phản ánh các giao dịch tài chính của đơn vị.

1.2.2. Trách nhiệm lập Báo cáo Tài chính

Ban Giám đốc đơn vị được kiểm toán chịu trách nhiệm lập Báo cáo Tài chính với đầy đủ các thuyết minh đi kèm. Trách nhiệm này bao gồm việc duy trì đầy đủ sổ sách kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ, chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán, và đảm bảo an toàn cho tài sản của dự án. Như một phần của quá trình kiểm toán, kiểm toán viên sẽ yêu cầu Ban Giám đốc xác nhận bằng văn bản về các thư giải trình liên quan tới cuộc kiểm toán.

1.2.3. Phạm vi

Cuộc kiểm toán sẽ được thực hiện theo Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế (ISA) do Ban Chuẩn mực Kiểm toán và Kế toán Quốc tế thuộc Liên đoàn Kế toán Quốc tế (IFAC). Các Chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo Tài chính của dự án có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng về các số liệu và thông tin thuyết minh trên Báo cáo Tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính kế toán quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo Tài chính.

Theo Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế, kiểm toán viên phải đặc biệt lưu ý tới các vấn đề sau đây:

- a) Trong việc lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán nhằm giảm rủi ro kiểm toán xuống thấp tới mức có thể chấp nhận được, kiểm toán viên cần phải xem xét các rủi ro về sai sót trọng yếu trong Báo cáo Tài chính do gian lận theo yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế số 240: Trách nhiệm của kiểm toán viên liên quan đến gian lận trong quá trình kiểm toán Báo cáo Tài chính.
- b) Khi thiết kế và thực hiện các thủ tục kiểm toán và trong quá trình đánh giá và báo cáo kết quả, kiểm toán viên phải ghi nhận hành vi không tuân thủ của đơn vị được kiểm toán đối với pháp luật và các quy định có thể có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo Tài chính theo yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế số 250: Xem xét tính tuân thủ pháp luật và các quy định trong kiểm toán Báo cáo Tài chính.
- c) Kiểm toán viên phải trao đổi về các vấn đề quản trị cần quan tâm phát sinh từ cuộc kiểm toán Báo cáo Tài chính với Ban Quản trị của đơn vị được kiểm toán theo yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế số 260: Trao đổi các vấn đề với Ban Quản trị đơn vị được kiểm toán.
- d) Kiểm toán viên phải trao đổi một cách phù hợp với Ban Quản trị và ban giám đốc đơn vị được kiểm toán về những khiếm khuyết trong kiểm soát nội bộ mà kiểm toán viên đã phát hiện được khi kiểm toán Báo cáo Tài chính theo yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế số 265: Trao đổi về những khiếm khuyết trong kiểm soát nội bộ đối với Ban Quản trị và Ban Giám đốc đơn vị được kiểm toán.
- e) Nhằm giảm rủi ro kiểm toán xuống thấp tới mức có thể chấp nhận được, kiểm toán viên phải xác định các biện pháp xử lý tổng thể đối với các rủi ro có sai sót trọng yếu đã được đánh giá ở cấp độ Báo cáo Tài chính, và phải thiết kế và thực hiện các thủ tục kiểm toán tiếp theo nhằm xử lý các rủi ro đã được đánh giá ở cấp độ cơ sở dẫn liệu theo yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế số 330: Biện pháp xử lý của kiểm toán viên đối với các rủi ro đã được đánh giá.
- f) Trong trường hợp một số lĩnh vực hoạt động của đơn vị được kiểm toán do một tổ chức cung cấp dịch vụ bên ngoài thực hiện, kiểm toán viên phải tìm hiểu và đánh giá môi trường kiểm soát nội bộ của tổ chức cung cấp dịch vụ này trong suốt quá trình kiểm toán theo yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế số 402: Các yếu tố cần xem xét khi kiểm toán đơn vị có sử dụng dịch vụ bên ngoài
- g) Như một phần trong quá trình kiểm toán, kiểm toán viên phải thu thập các giải trình bằng văn bản của ban giám đốc và, trong trường hợp thích hợp, của Ban Quản trị đơn vị được kiểm toán theo yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế số 580: Giải trình bằng văn bản.

Báo cáo Tài chính của đơn vị được kiểm toán bao gồm, ít nhất là, các thành phần được lưu ý trong đoạn "Mục tiêu" nêu trên.

1.2.4. Báo cáo Kiểm toán

Kiểm toán viên sẽ đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo Tài chính của đơn vị được kiểm toán, chỉ ra rằng liệu Báo cáo Tài chính có trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) do Ban Chuẩn mực Kế toán Quốc tế ban hành hay không.

Ngoài ý kiến kiểm toán về Báo cáo Tài chính của đơn vị được kiểm toán, kiểm toán viên sẽ lập "thư quản lý", trong đó kiểm toán viên sẽ:

- a) cung cấp các ý kiến nhận xét và các quan sát về sổ sách kế toán, các hệ thống và thủ tục kiểm soát đã được kiểm tra trong quá trình kiểm toán;
- b) xác định các khiếm khuyết đặc biệt và các mặt còn yếu kém trong các hệ thống và thủ tục kiểm soát, đồng thời đưa ra các kiến nghị nhằm giúp khắc phục các điểm còn tồn tại này;
- c) báo cáo về các trường hợp không tuân thủ theo các điều khoản của (các) hiệp định tài trợ;
- d) trao đổi về các vấn đề lưu ý phát sinh trong quá trình kiểm toán mà có thể có ảnh hưởng trọng yếu tới việc thực hiện dự án;
- e) lưu ý Bên A bất kỳ vấn đề nào khác mà kiểm toán viên cho là phù hợp; và
- f) trình bày các ý kiến của KPMG trong thư quản lý chính thức.

Nếu không có vấn đề nào trong các vấn đề nêu trên, và do đó không cần phải lập thư quản lý, kiểm toán viên sẽ lập một thư nêu rõ rằng trong suốt quá trình kiểm toán không có sự kiện nào để kiểm toán viên cho rằng phù hợp để lưu ý Bên A. Báo cáo Tài chính, bao gồm ý kiến kiểm toán, và thư quản lý phải được nộp cho đơn vị được kiểm toán, không muộn hơn sáu tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính được kiểm toán.

1.2.5 Công bố thông tin

Theo "Chính sách Tiếp cận Thông tin của Ngân hàng Thế giới (Ngân hàng)" ban hành ngày 1 tháng 7 năm 2010, đối với các hoạt động do Ngân hàng tài trợ mà thư mời đàm phán đã được ban hành vào hoặc sau ngày 1 tháng 7 năm 2010, Ngân hàng yêu cầu đơn vị được kiểm toán phải công bố Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán một cách kịp thời với sự chấp thuận của Ngân hàng. Ngoài ra, theo chính sách, sau khi chính thức nhận được Báo cáo Tài chính từ đơn vị được kiểm toán, Ngân hàng sẽ công bố các báo cáo này ra công chúng.

Thư quản lý, các cuộc kiểm toán đặc biệt (cụ thể: bản chất đây không phải là các cuộc kiểm toán Báo cáo Tài chính), và các Báo cáo Tài chính chưa được kiểm toán (ví dụ các Báo cáo Tài chính Giữa niên độ) không được coi là một phần trong khái niệm về Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán cho mục đích công bố thông tin.

Chỉ trong các trường hợp ngoại lệ, Ngân hàng có thể đồng ý – cụ thể, khi Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán chứa các thông tin về quyền sở hữu hoặc thông tin nhạy cảm về mặt thương mại – rằng bên đi vay hoặc đơn vị dự án được chỉ định có thể được miễn không phải công bố toàn bộ Báo cáo Tài chính, nhưng vẫn phải công bố Báo cáo Tài chính rút gọn theo mẫu mà Ngân hàng chấp thuận. Các trường hợp ngoại lệ này được ban lãnh đạo Ngân hàng Thế giới phê duyệt.

1.2.6. Điều khoản chung

Ban Giám đốc đơn vị được kiểm toán chịu trách nhiệm lập Báo cáo Tài chính với đầy đủ các thuyết minh đi kèm. Như một phần của quá trình kiểm toán, kiểm toán viên sẽ yêu cầu Ban giám đốc xác nhận bằng văn bản về các thư giải trình liên quan tới cuộc kiểm toán.

Kiểm toán viên có quyền tiếp cận không giới hạn tới tất cả các thông tin và giải trình được cho là cần thiết để phục vụ cho quá trình kiểm toán, bao gồm các giấy tờ pháp lý, báo cáo giám sát và lập dự án, báo cáo soát xét và điều tra, thư từ, và các thông tin tài khoản tín dụng. Kiểm toán viên cũng có thể yêu cầu được xác nhận bằng văn bản về số tiền đã được giải ngân và số dư theo sổ sách của Ngân hàng.

Điều khoản hợp đồng này sẽ tiếp tục có hiệu lực cho các năm tài chính trong tương lai nếu điều khoản này không bị chấm dứt, sửa chữa hoặc thay thế.

Kiểm toán viên phải hiểu rằng hồ sơ kiểm toán cho dự án mà Ngân hàng Thế giới tài trợ có thể sẽ được soát xét bởi nhân viên được ủy quyền của Ngân hàng Thế giới.

2. Thư quản lý cho các năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Cho mục đích quản trị của các Tổng công ty phát điện, Công ty kiểm toán cung cấp Thư Quản lý nêu những điểm bất cập, cần hoàn thiện của Hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống kế toán và Báo cáo Tài chính.

3. Tham gia đại hội đồng cổ đông thường niên tại các công ty cổ phần mà nhà thầu thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính của năm tài chính liền trước.

4. Các báo cáo cung cấp khi kiểm toán BCTC cho năm tài chính 2019.

*Thời hạn, hình thức, số lượng bản gốc phát hành các Báo cáo cho năm tài chính kết thúc tại 31/12/2019 được quy định cụ thể như sau:

Đơn vị	BC01	BC02	BC03	BC04	BC05	BC06	BC07	BC08	BC09	BC10	BC11	BC12
Hình thức báo cáo	Văn bản	Văn bản	Văn bản	Văn bản	Văn bản	Văn bản	Văn bản	Văn bản	Văn bản	Văn bản	Văn bản	Văn bản
Số lượng bản gốc	06	06	06	06	06	03	03	03	03	03	03	03
Ngôn ngữ	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt, Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt, Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt
Thời hạn phát hành dự thảo BC												
Tại công ty mẹ GENCO 3	5/3 năm kế tiếp	5/3 năm kế tiếp	15/5 năm kế tiếp		10/8 năm tài chính		1/3 năm kế tiếp	10/5 năm kế tiếp	5/3 năm kế tiếp	10/5 năm kế tiếp	15/02 năm kế tiếp	01/02 năm kế tiếp

Đơn vị	BC01	BC02	BC03	BC04	BC05	BC06	BC07	BC08	BC09	BC10	BC11	BC12
Thời hạn phát hành báo cáo chính thức												
Tại công ty mẹ GENCO 3	10/3 năm tiếp theo	10/3 năm tiếp theo	31/5 năm tiếp theo	10/8 năm tài chính	20/8 năm tài chính	1/8 năm tài chính	5/3 năm tiếp theo	31/5 năm tiếp theo	10/3 năm tiếp theo	31/5 năm tiếp theo	20/2 năm kế tiếp	5/2 năm kế tiếp

Thời hạn hoàn thành báo cáo được tuân thủ dựa trên các điều kiện sau:

- Các tài liệu đã yêu cầu phục vụ cho việc kiểm toán được cung cấp đầy đủ, chính xác và đúng tiến độ bởi Tổng Công ty, các đơn vị phụ thuộc, công ty con và công ty liên kết;
- Các thư xác nhận được nhận đủ bản gốc;
- Không có các điều chỉnh muộn phát sinh ảnh hưởng đến tiến độ kiểm toán;

Thời hạn cung cấp tài liệu phục vụ cho việc kiểm toán cụ thể như sau:

Công việc	Thời gian
Các đơn vị phụ thuộc hoàn thành đóng Báo cáo Tài chính năm, cung cấp đầy đủ các tài liệu cho KPMG	Ngày 20 tháng 1 năm 2020 cho số liệu của năm 2019
Công ty con hoàn thành đóng Báo cáo Tài chính năm, cung cấp đầy đủ các tài liệu cho KPMG	Ngày 10 tháng 2 năm 2020 cho số liệu của năm 2019
Tổng Công ty hoàn thành đóng Báo cáo Tài chính năm, cung cấp đầy đủ các tài liệu cho KPMG	Ngày 15 tháng 2 năm 2020 cho số liệu của năm 2019
Tổng Công ty, các đơn vị phụ thuộc, công ty con chốt toàn bộ số liệu Báo cáo Tài chính	Ngày 20 tháng 2 năm 2020 cho số liệu của năm 2019

Bất cứ sự chậm trễ nào bởi Tổng công ty, các đơn vị phụ thuộc, các công ty con và công ty liên kết trong việc tuân thủ thời gian biểu và các điều kiện phía trên sẽ có thể ảnh hưởng tới tiến độ của báo cáo kiểm toán và thời gian biểu trên sẽ được đẩy lùi tương ứng.

Trong đó:

- BC01: Báo cáo kiểm toán cho Báo cáo Tài chính Riêng theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam
- BC02: Báo cáo kiểm toán cho Báo cáo Tài chính Hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam
- BC03: Báo cáo kiểm toán cho Báo cáo Tài chính Hợp nhất theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế
- BC04: Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán sơ bộ giữa kỳ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam
- BC05: Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ
- BC06: Biên bản soát xét tại các đơn vị hạch toán phụ thuộc
- BC07: Danh mục bút toán điều chỉnh theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam
- BC08: Danh mục bút toán điều chỉnh theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế
- BC09: Thư quản lý theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam
- BC10: Thư quản lý theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế
- BC11: Biên bản kiểm toán tại các đơn vị hạch toán phụ thuộc
- BC12: Biên bản giám sát kiểm kê tại các đơn vị

5. Yêu cầu về tỷ lệ số lượng các đơn vị được kiểm toán trực tiếp:

- a. **Đối với các đơn vị hạch toán độc lập:** KPMG tham gia kiểm toán trực tiếp tại Công ty mẹ GENCO 3, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình cho năm tài chính 2019.

b. Đối với các đơn vị hạch toán phụ thuộc:

KPMG tham gia kiểm toán trực tiếp tại: 100% các đơn vị hạch toán phụ thuộc GENCO 3 (cho năm tài chính 2019).

6. Yêu cầu về số lượng kiểm toán viên, thời gian kiểm toán trực tiếp tại các đơn vị được kiểm toán:

- Thời gian kiểm toán trực tiếp tại mỗi đơn vị (bao gồm cả đơn vị phụ thuộc): ít nhất 3 ngày;
- Nhân sự thực hiện kiểm toán trực tiếp tại đơn vị (bao gồm cả đơn vị phụ thuộc): ít nhất 01 kiểm toán viên.

PHỤ LỤC 2: NHÂN SỰ CHỦ CHỐT THAM GIA GÓI THẦU

STT	Họ và tên	Chức vụ đề xuất
1	Hà Vũ Định	Giám đốc soát xét chất lượng
2	Nguyễn Anh Tuấn	Chủ nhiệm kiểm toán
3	Lê Thị Phương Trang	Trưởng phòng kiểm toán
4	Dương Thị Kim Thu	Trưởng nhóm kiểm toán
5	Nguyễn Tuấn Anh	Trưởng nhóm kiểm toán
6	Lương Hoàng Bằng	Trưởng nhóm kiểm toán
7	Phan Thị Mỹ Linh	Trưởng nhóm kiểm toán
8	Đặng Trung Bá	Trưởng nhóm kiểm toán
9	Phạm Đại Dương	Trưởng nhóm kiểm toán
10	Vũ Nhật Tài	Trưởng nhóm kiểm toán
11	Nguyễn Thị Kim Chi	Trưởng nhóm kiểm toán

PHỤ LỤC 3: CƠ CẤU TỔ CHỨC EVNGENCO 3

Công ty mẹ -Tổng công Phát điện 3 –Công ty cổ phần bao gồm:

1. Cơ quan Tổng Công ty
2. Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty:
 - Ban quản lý dự án nhiệt điện Vĩnh Tân
 - Ban quản lý dự án nhiệt điện 1
 - Ban quản lý dự án nhiệt điện Thái Bình (thực hiện Tư vấn quản lý Dự án cho EVN)
 - Công ty thủy điện Buôn Kuốp
 - Công ty nhiệt điện Vĩnh Tân
 - Công ty nhiệt điện Mông Dương
 - Công ty nhiệt điện Phú Mỹ
 - Công ty dịch vụ sửa chữa các NMD EVNGENCO 3
3. Công ty con của Tổng Công ty:
 - Công ty cổ phần nhiệt điện Bà Rịa
 - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
4. Công ty liên kết
 - Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hinh
 - Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Sê San 3A
 - Công ty cổ phần thủy điện Thác Bà

PHỤ LỤC 4: ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ CỦA CÁC BÊN

	BÊN A	KPMG
ĐỊA CHỈ:	Số 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.	Tầng 46 Tòa tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, Tòa nhà 72 tầng, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
SỐ ĐIỆN THOẠI:	283 6367 449	243 946 1600
FAX:	283 6367 450	243 946 1601

